

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỜ ĐỎ  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 77/2021/DS-ST

Ngày: 29 -9-2021

*V/v “tranh chấp về việc nam, nữ  
chung sống với nhau như vợ chồng  
mà không đăng ký kết hôn”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Khoa

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Nguyễn Hữu Thọ

2/ Bà Lê Thị Xuân Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ.

Vào ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021 về việc “tranh chấp về việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2021/QĐXX-ST ngày 19 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Tiêu Văn H, sinh năm 1983 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số X, Đường Đ, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Thu C, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T 2, xã T, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Thanh Th, sinh năm 2012.

Địa chỉ: Ấp T 2, xã T, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án về việc chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nguyên đơn anh Tiêu Văn H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có quan điểm thể hiện trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2009, anh Tiêu Văn H và chị Trần Thị Thu

C chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Do không hiểu biết pháp luật nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng anh H và chị C không hạnh phúc như mong muốn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp một phần do vợ chồng không chung sống cùng một mái nhà nên không có sự chia sẻ về tình cảm vợ chồng. Gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng nên anh H và chị C đã sống ly thân từ năm 2012, anh H, chị C không còn liên quan về tình cảm cũng như kinh tế. Anh H đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Trần Thị Thu C.

Về con chung: Quá trình chung sống anh H và chị C có một con chung là Trần Thanh Th, sinh năm 2012, từ khi vợ chồng ly thân con chung do chị C nuôi dưỡng, nay cháu Th có nguyện vọng tiếp tục sống với chị C, anh H và chị C cũng thống nhất theo nguyện vọng của cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H, chị C không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn chị Trần Thị Thu C trong bản tự khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa có ý kiến như sau:*

Chị Trần Thị Thu C đồng ý với quan điểm của anh H về điều kiện và quá trình chung sống. Anh, chị tự nguyện tìm hiểu từ năm 2006 và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Do không hiểu biết pháp luật nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp, do yêu cầu công việc nên vợ chồng từ khi cưới nhau không chung sống cùng nhau dưới một mái nhà. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên hai người đã sống ly thân từ năm 2012, anh, chị không còn liên quan về tình cảm cũng như kinh tế. Nay anh H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với chị và chị C đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh H có một con chung là Trần Thanh Th, sinh năm 2012, chị Cúc yêu cầu được trực tiếp nuôi con đến trưởng thành, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị C và anh H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét đây là vụ án tranh chấp về việc nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị Trần Thị Thu C có nơi cư trú trên địa bàn huyện

Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn anh Tiêu Văn H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày anh H, chị C chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân không đăng ký kết hôn do không hiểu biết pháp luật. Xét thấy, việc anh H và chị C chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Trên cơ sở đó việc anh H yêu cầu Tòa án xem xét không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Trần Thị Thu C là đúng theo quy định tại Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án chấp nhận.

[3] Về việc nuôi con: Xét quá trình chung sống anh Tiêu Văn H và chị Trần Thị Thu C có một con chung tên là Trần Thanh Th, sinh ngày 24/4/2012, từ khi vợ chồng ly thân cháu Th chung sống với chị C, nay cháu Th có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị C đồng thời anh H, chị C cũng thống nhất việc chị C là người trực tiếp nuôi cháu Th đến trưởng thành nên Tòa án ghi nhận. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị C không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[4] Về việc chia tài sản: Anh Tiêu Văn H, chị Trần Thị Thu C không có tài sản chung, đồng thời không có nợ chung, đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Anh Tiêu Văn H phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Tiêu Văn H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Tiêu Văn H và chị Trần Thị Thu C là vợ chồng.

3. Về việc nuôi con: Giao con chung tên Trần Thanh Th, sinh ngày 24/4/2012 cho chị Trần Thị Thu C trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Tiêu Văn H theo quy định của pháp luật không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về việc chia tài sản: Anh Tiêu Văn H và chị Trần Thị Thu C thống nhất không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Anh Tiêu Văn H phải nộp số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 013772 ngày 13/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

6. Quyền kháng cáo đối với bản án: Anh Tiêu Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật. Chị Trần Thị Thu C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- Phòng tư pháp huyện Cờ Đỏ;
- Lưu HS, VT, Toà DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Đăng Khoa**

